TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 403/2026/DSST
Ngày: 22/6/2026
V/v tranh chấp *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Kiều Oanh**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Ấn;**
2. Ông **Võ Thành Dương;**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Tuấn Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp: Ông **Nguyễn Văn Quí** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 659/2025/TLST- DS ngày 13 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 365/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 347/2026/QĐST – DS ngày 28 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phan Thị Thu L, sinh năm 1959 (vắng mặt).

CCCD: 082159001323.

Địa chỉ: số E, L, khu phố B, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Trọng T, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt).

CCCD: 082092016267.

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: 1/ Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1979 (vắng mặt).

CCCD: 051179008570.

Đăng ký thường trú: Số A, đường T, khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Hộ kinh doanh Đỗ Khắc B, phòng số G, đường T, ấp S, xã H, tỉnh Tây Ninh.

2/ Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1977 (vắng mặt).

CCCD: 051077007813.

Đăng ký thường trú: Xóm A, thôn T, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi ở hiện nay: Số A, đường T, khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Thu L có đại diện ủy quyền là anh Nguyễn Trọng T có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên quá trình tố tụng anh Nguyễn Trọng T trình bày:

Bà L và bà Huỳnh Thị Thu H có quen biết nhau từ trước, bà H đã nhiều lần hỏi vay tiền của bà L để xây nhà nên vào ngày 08/9/2023 (nhằm ngày 24/7/2023 âm lịch) bà L đã cho bà H vay số tiền 250.000.000 đồng, bà H có viết giấy vay tiền của bà L. Bà L và bà H thỏa thuận lãi suất theo quy định pháp luật 20%/năm, thời hạn vay là 01 năm (từ

ngày 08/9/2023 đến ngày 08/9/2024). Quá trình vay bà H chỉ đóng lãi cho bà L được 8.000.000 đồng tiền lãi thì ngưng luôn cho đến nay, bà L rất nhiều lần yêu cầu bà H trả gốc và lãi nhưng bà H cứ hứa hẹn rồi không trả. Nay đã quá thời hạn trả nợ, mặc dù bà L đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H đều cố tình tránh mặt, không có thiện chí muốn trả nợ cho bà L.

Do trước đây khi khởi kiện bà H, bà L chưa tìm được thông tin tên họ chính xác của chồng bà H nên bà L chưa yêu cầu chồng bà H cùng liên đới trả nợ cho bà L. Nay bà L đã tìm được thông tin của chồng bà H là ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1977, địa chỉ tại số A, đường T, ấp H, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

Do đó ngày 24/11/2025 bà L làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu Q có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền gốc là 250.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày xét xử (tính từ ngày 09/11/2023 tạm tính đến ngày 24/11/2025 là 24 tháng 15 ngày, tạm làm tròn 24 tháng) là: 250.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 24 tháng = 99.600.000 đồng. Tổng số tiền bà L yêu cầu bà H và ông Q phải trả cho bà L là 349.600.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Đến ngày 22/6/2026, bà L có gửi văn bản trình bày ý kiến như sau: Buộc bà H và ông Q có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc là 250.000.000 đồng với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 09/01/2024 đến ngày 22/6/2026 là 29 tháng 13 ngày, làm tròn 29 tháng như sau: 250.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 29 tháng = 60.175.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, không trình bày hay yêu cầu gì thêm khác.

* Bị đơn bà Huỳnh Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình chịy ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu L.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Thu L có đại diện ủy quyền là anh Nguyễn Trọng T có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Hữu Q và bà Huỳnh Thị Thu H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

Ông Nguyễn Hữu Q có hộ khẩu thường trú tại Xóm A, thôn T, xã T, tỉnh Quảng Ngãi, tuy nhiên qua xác minh tại công an xã T xác nhận ông Nguyễn Hữu Q không có sinh sống tại Xóm A, thôn T, xã T, tỉnh Quảng Ngãi. Đồng thời, Tòa án tiến hành xác minh tại công an phường S, trưởng khu phố H, phường S xác nhận ông Nguyễn Hữu Q không có đăng ký tạm trú tại số A, đường T, khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp

nhưng có sinh sống trực tiếp tại địa chỉ trên, bà Huỳnh Thị Thu H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số A, đường T, khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp, nhưng đã bỏ đi nơi khác sinh sống và có đăng ký tạm trú tại H kinh doanh Đỗ Khắc B, phòng số G, đường T, ấp S, xã H, tỉnh Tây Ninh, tuy nhiên qua xác minh tại công an xã H xác nhận bà H đã không còn sinh sống tại địa chỉ như trên. Hơn nữa, khi vay tiền của bà Phan Thị Thu L, bà Huỳnh Thị Thu H viết giấy nhận nợ có cung cấp địa chỉ của bà là tại số A, T, phường L (nay là số G, T, phường S). Như vậy, căn cứ vào Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

[3] *Về nội dung*: Bà L có đại diện ủy quyền là anh T yêu cầu vợ chồng bà H, ông Q có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền vay 250.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo hồ sơ thể hiện, vào ngày 08/9/2023, bà L cho bà H vay số tiền 250.000.000 đồng để xây nhà, bà H có viết giấy vay tiền, thỏa thuận thời hạn vay 01 năm. Quá trình vay bà H đóng được 8.000.000 đồng tiền lãi thì ngưng cho đến nay. Bà L cung cấp 01 giấy mượn tiền bà H viết và ký tên, ghi họ tên. Bị đơn bà H vắng mặt không lý do và không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn coi như từ bỏ quyền lợi của mình. Việc bà H không thực nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn làm ảnh hưởng đến quyền lợi bà L nên bà L yêu cầu bà H trả số tiền 250.000.000 đồng là có căn cứ.

Về yêu cầu liên đới trả nợ: Đại diện ủy quyền của bà L yêu cầu ông Q có nghĩa vụ liên đới với bà H trả tiền nợ. Xét thấy, bà H vay tiền mục đích sử dụng chung gia đình, số tiền này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên ông Q phải có nghĩa vụ cùng bà H trả nợ cho bà L.

Về lãi suất: Anh T yêu cầu bà H và ông Q có nghĩa vụ trả lãi từ ngày 09/01/2024 đến khi xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng. Do bà H và ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên đại diện ủy quyền của chị L yêu cầu tính lãi là có căn cứ. Như vậy, ông Q và bà H có nghĩa vụ liên đới trả lãi số tiền là 0,83%/tháng x 250.000.000 đồng x 29 tháng = 60.175.000 đồng.

Về thời gian trả tiền: Anh T yêu cầu ông Q, bà H trả số tiền vay gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi, trả ngay khi án có hiệu lực. Xét thấy, do ông Q và bà H đã vi phạm nghĩa vụ thời gian dài nên yêu cầu trả tiền của anh T là có căn cứ.

[4] *Về án phí*: Bà H và ông Q có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các điều 35, 39, 91, 92, 147, 235, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu L.

Buộc ông Nguyễn Hữu Q và bà Huỳnh Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị Thu L số tiền 310.175.000 đồng (Trong đó vốn 250.000.000 đồng và lãi 60.175.000 đồng), ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Hữu Q và bà Huỳnh Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới nộp 15.508.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị Thu L thuộc diện người cao tuổi, được miễn nộp tạm ứng án phí nên không phải hoàn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

"Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Bà L, bà H, ông Q có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kiều Oanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.